

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1

MÔN: TIẾNG ANH 8 RIGHT ON!



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

HƯỚNG DẪN GIẢI

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

1. A	2. B	3. B	4. C	5. D
6. D	7. C	8. D	9. B	10. B
11. C	12. C	13. A	14. C	15. C
16. A	17. A	18. lovers	19. attractions	20. lucky
21. T	22. E	23. E	24. T	25. T

26. This toy shop opens at 10 a.m. and closes at 9 p.m. every day.

27. My mum is taking a train to the city centre at the moment.

28. He is going to stay in the city for three days.

29. He broke his leg when he was climbing a mountain yesterday.

30. Did you hear about a hiking accident in Hawaii last night?

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Marie dự định ở nhà vào kỳ nghỉ.

Thông tin: I just stay at home and relax.

Tạm dịch: Tôi chỉ ở nhà và thư giãn.

Đáp án A.

2.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Mike là anh họ của Jack.

Thông tin: Well, I'm coming back to my hometown with my cousin, Mike.

Tạm dịch: À, tôi sẽ về quê với anh họ Mike.

Đáp án B.

3.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Jack không đi thăm bạn bè khi về quê.

Thông tin: I often visit my grandparents, do gardening and go to the chocolate festival.

Tạm dịch: Tôi thường đến thăm ông bà, làm vườn và đi dự lễ hội sô-cô-la.

Đáp án B.

4.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Sinh nhật của Marie vào thứ 6 tuần tới.

Thông tin: My birthday is next Friday and I'd like to invite you to my party.

Tạm dịch: Sinh nhật của tôi vào thứ sáu tuần tới và tôi muốn mời bạn đến bữa tiệc.

Đáp án C.

5.

Kiến thức: Nghe hiểu

Giải thích: Jack tới bữa tiệc sinh nhật của Marie bằng xe buýt

Thông tin: I will come by bus.

Tạm dịch: Tôi sẽ đến bằng xe buýt.

Đáp án D.

Bài nghe:

Jack: Hi, Marie. Holiday is coming. Are you going anywhere?

Marie: No, Jack. I just stay at home and relax. How about you?

Jack: Well, I'm coming back to my hometown with my cousin, Mike.

Marie: Oh. I remember him, the very tall one, right?

Jack: No, that's my brother, Jim. Mike is pretty short.

Marie: What does he do now?

Jack: He's a last-year university student. He also has a part-time job in a local restaurant.

Marie: That sounds great! What do you usually do when you return to your hometown?

Jack: I often visit my grandparents, do gardening and go to the chocolate festival. It's very exciting!

Marie: I'd love to join it one day. My birthday is next Friday and I'd like to invite you to my party.

Jack: That's great! I will come by bus.

Marie: Thanks. See you then.

Dịch bài nghe:

Jack: Chào Marie. Kỳ nghỉ sắp đến rồi. Bạn có định đi đâu không?

Marie: Không, Jack. Tôi chỉ ở nhà và thư giãn. Còn bạn thì sao?

Jack: À, tôi sẽ về quê với anh họ Mike.

Marie: Ồ. Tôi nhớ anh ấy rồi, người rất cao phải không?

Jack: Không, đó là anh trai tôi, Jim. Mike khá thấp.

Marie: Bây giờ anh ấy làm gì?

Jack: Anh ấy là sinh viên đại học năm cuối. Anh ấy cũng có một công việc bán thời gian tại một nhà hàng địa phương.

Marie: Nghe tuyệt đấy! Bạn thường làm gì khi trở về quê hương?

Jack: Tôi thường đến thăm ông bà, làm vườn và đi dự lễ hội sô-cô-la. Nó rất thú vị!

Marie: Tôi rất muốn tham gia lễ hội vào một ngày nào đó. Sinh nhật của tôi vào thứ sáu tuần tới và tôi muốn mời bạn đến bữa tiệc.

Jack: Thật tuyệt vời! Tôi sẽ đến bằng xe buýt.

Marie: Cảm ơn nha. Gặp bạn sau.

6.

Kiến thức: Phát âm "s"

Giải thích: Cách phát âm đuôi "s":

- Phát âm là /s/ khi từ có phát âm kết thúc là /f/, /t/, /k/, /p/, /θ/.
- Phát âm là /ɪz/ khi từ có phát âm kết thúc là /s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/, /ʒ/.
- Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại.

A. desks /desks/

B. maps /mæps/

C. plants /plɑ:nts/

D. trees /tri:z/

Đáp án A, B, C phát âm là /s/, đáp án D phát âm là /z/

Đáp án D.

7.

Kiến thức: Phát âm “s”

Giải thích: Cách phát âm đuôi “s”:

- Phát âm là /s/ khi từ có phát âm kết thúc là /f/, /t/, /k/, /p/, /θ/.
- Phát âm là /ɪz/ khi từ có phát âm kết thúc là /s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /dʒ/, /ʒ/.
- Phát âm là /z/ đối với những từ còn lại.

- A. wishes /'wɪʃɪz/
- B. practices /'præktɪsɪz/
- C. leaves /li:vz/
- D. introduces /,ɪntrə'dju:sɪz/

Đáp án A, B, D phát âm là /ɪz/, đáp án C phát âm là /z/

Đáp án C.

8.

Kiến thức: Phát âm “-ed”

Giải thích: Cách phát âm đuôi “ed”:

- + Đuôi “ed” được phát âm là /t/ khi động từ có phát âm kết thúc là /tʃ/, /θ/, /ʃ/, /s/, /k/, /p/, /f/
- + Đuôi “ed” được phát âm là /ɪd/ khi động từ có phát âm kết thúc là /t/, /d/
- + Đuôi “ed” được phát âm là /d/ với các trường hợp còn lại

- A. supposed
- B. closed
- C. delayed
- D. stopped

Đáp án A, B, C phát âm là /d/, đáp án D phát âm là /t/

Đáp án D.

9.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

- A. generous /'dʒenərəs/: nhấn âm 1
- B. impatient /ɪm'peɪʃnt/: nhấn âm 2
- C. popular /'pɒpjələ(r)/: nhấn âm 1
- D. talkative /'tɔ:kətɪv/: nhấn âm 1

Đáp án B có trọng âm rơi vào âm 2, các phương án còn lại đều có trọng âm rơi vào âm 1.

Đáp án B.

10.

Kiến thức: Trọng âm

Giải thích:

A. library /'laɪbrəri/: nhấn âm 1

B. museum /mju'zi:əm/: nhấn âm 2

C. hospital /'hɒspɪtl/: nhấn âm 1

D. restaurant /'restɒrnt/: nhấn âm 1

Đáp án B có trọng âm rơi vào âm 2, các phương án còn lại đều có trọng âm rơi vào âm 1.

Đáp án B.

11.

Kiến thức: Từ để hỏi

Giải thích: Dấu hiệu “next weekend” chỉ thời gian, chọn từ để hỏi “When”

Tạm dịch: Khi nào sự kiện Merry Theme Park diễn ra vậy? – Cuối tuần tới.

Đáp án C.

12.

Kiến thức: Từ vựng

Giải thích: Tôi thích đến thăm những ngôi làng nhỏ vì chúng yên tĩnh và _____.

A. noisy: ồn ào

B. polluted: bị ô nhiễm

C. peaceful: bình yên

D. crowded: đông đúc

Đáp án C.

13.

Kiến thức: Thì Hiện tại đơn – Hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Dùng thì Hiện tại đơn để diễn tả hành động thường xuyên xảy ra, một thói quen ở hiện tại. Còn thì Hiện tại tiếp diễn dùng để diễn tả hành động sẽ xảy ra trong tương lai gần mà đã được lên kế hoạch từ trước.

Tạm dịch: Peter luôn đi bộ đến hồ gần làng của anh ấy, nhưng hôm nay anh ấy đang cưỡi ngựa.

Đáp án A.

14.

Kiến thức: Câu mệnh lệnh, c ãu khiến

Giải thích: Cấu trúc: Let + O + V bare

Tạm dịch: Vào cuối tuần, mẹ Lisa thường cho cô ấy đi mua sắm ở chợ gần đó.

Đáp án C.

15.

Kiến thức: Thì quá khứ đơn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra trong quá khứ thì có một hành động khác chen vào. Hành động đang xảy ra chia ở thì quá khứ tiếp diễn, hành động chen vào chia thì quá khứ đơn.

Tạm dịch: Lực lượng cứu hỏa có mặt khi ngọn lửa lan rộng khắp tòa nhà.

Đáp án C.

16.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn

Giải thích: Dấu hiệu “looked out” thì quá khứ đơn, sau “and” cũng chia thì quá khứ đơn

Tạm dịch: Fiona nhìn ra ngoài cửa sổ và đột nhiên nghe thấy một tiếng nổ lớn.

Đáp án A.

17.

Kiến thức: Thì Quá khứ tiếp diễn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra tại một thời điểm xác định trong quá khứ. Dấu hiệu “4 p.m yesterday afternoon”.

Tạm dịch: Nước ngập toàn bộ khu vực lúc 4 giờ chiều hôm qua.

Đáp án A.

18.

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích: Trước động từ “can” cần một danh từ đóng vai trò làm chủ ngữ, phía trước không có mạo từ nên chia danh từ ở dạng số nhiều là “lovers”.

Tạm dịch: Những người yêu thích nghệ thuật có thể ghé thăm Phòng trưng bày Raul Speek để xem những tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời.

Đáp án lovers.

19.

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích: Cấu trúc: One of the most + danh từ số nhiều, nên chia thành “attractions”.

Tạm dịch: Thảo cầan viên là một trong những địa điểm du lịch nổi tiếng nhất ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Đáp án attractions.

20.

Kiến thức: Dạng của từ

Giải thích: Sau động từ tobe có thể chia tính từ hoặc danh từ. Ở đây động từ “tobe” chỉ tính chất nên chia tính từ.

Tạm dịch: Bạn thật may mắn vì không có chuyện gì xảy ra với bạn trong vụ tai nạn đó.

Đáp án lucky.

21.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tôi thích đọc sách hơn là đi chơi.

Thông tin: In her free time, she would rather stay at home than hang out with friends.

Tạm dịch: Khi rảnh rỗi, cô thích ở nhà hơn là đi chơi với bạn bè.

Đáp án T.

22.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Thỉnh thoảng tôi xem phim vào buổi tối và đi ngủ muộn.

Thông tin: She sometimes stays up very late because she enjoys watching films at night.

Tạm dịch: Đôi khi cô ấy thức rất khuya vì thích xem phim vào ban đêm.

Đáp án E.

23.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tôi thường chơi thể thao vào sáng thứ bảy và chủ nhật.

Thông tin: She usually wakes up early at weekends to practise those with her father and some of his friends.

Tạm dịch: Cô thường thức dậy sớm vào cuối tuần để luyện tập những bộ môn đó với bố và một số bạn bè của ông.

Đáp án E.

24.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tôi đến câu lạc bộ thể thao hai lần một tuần.

Thông tin: On Friday and Sunday afternoons, she often goes to the club.

Tạm dịch: Vào các buổi chiều thứ sáu và chủ nhật, cô thường đến câu lạc bộ.

Đáp án T.

25.

Kiến thức: Đọc hiểu

Giải thích: Tôi là người nhút nhát nhưng lại thích nói chuyện với mọi người.

Thông tin: "We're different in some ways actually because Tina is a bit shy, but we're still best friends! We text and phone a lot," says Emily, "but one thing we both like to do is to talk."

Tạm dịch: Emily nói: "Thực ra chúng tôi khác nhau ở một số mặt vì Tina hơi nhút nhát, nhưng chúng tôi vẫn là bạn thân! Chúng tôi nhắn tin và gọi điện rất nhiều, nhưng có một đi đâu mà cả hai chúng tôi đều thích làm là nói chuyện".

Đáp án T.

Dịch bài đọc:

Tina và Emily là chị em họ và Emily hơn Tina một tuổi. Họ cũng là những người bạn thân. Họ sống trong cùng một thị trấn và học cùng lớp. Thật vậy, họ có những điểm tương đồng, nhưng cũng có một số điểm khác biệt.

Tina thực sự thích đọc sách. Thể loại yêu thích của cô ấy là truyện dân gian. Khi rảnh rỗi, cô thích ở nhà hơn là đi chơi với bạn bè. Cha mẹ cô cho rằng việc cô dành quá nhiều thời gian ở nhà là không tốt nên họ khuyến khích cô tham gia câu lạc bộ thể thao ở trung tâm thành phố với em trai mình. Vào các buổi chiều thứ sáu và chủ nhật, cô thường đến câu lạc bộ.

Emily là một fan hâm mộ lớn của môn bơi lội và quần vợt. Cô thường thức dậy sớm vào cuối tuần để luyện tập những bộ môn đó với bố và một số bạn bè của ông. Các ngày trong tuần,

cô đi học thêm với Tina sau đó về nhà và làm bài tập. Đôi khi cô ấy thức rất khuya vì thích xem phim vào ban đêm.

Emily nói: “Thực ra chúng tôi khác nhau ở một số mặt vì Tina hơi nhút nhát, nhưng chúng tôi vẫn là bạn thân! Chúng tôi nhắn tin và gọi điện rất nhiều, nhưng có một điều mà cả hai chúng tôi đều thích làm là nói chuyện”.

26.

Kiến thức: Thì Hiện tại đơn

Giải thích: Cách dùng: Diễn tả một hành động lặp đi lặp lại; Dấu hiệu: “everyday”.

Tạm dịch: Cửa hàng đồ chơi này mở cửa lúc 10 giờ sáng và đóng cửa lúc 9 giờ tối hằng ngày.

Đáp án **This toy shop opens at 10 a.m. and closes at 9 p.m. every day.**

27.

Kiến thức: Thì Hiện tại tiếp diễn

Giải thích: Cách dùng: Diễn tả một hành động diễn ra tại thời điểm nói; Dấu hiệu: “at the moment”.

Tạm dịch: Mẹ tôi đang đi tàu đến trung tâm thành phố vào lúc này.

Đáp án **My mum is taking a train to the city centre at the moment.**

28.

Kiến thức: Cấu trúc thì tương lai gần với “be going to”

Giải thích: Thì tương lai gần một quyết định, kế hoạch đã được dự định trong tương lai mà đã có dự định từ trước.

Tạm dịch: Anh ấy sẽ ở lại thành phố trong ba ngày.

Đáp án **He is going to stay in the city for three days.**

29.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn – Quá khứ tiếp diễn

Giải thích: Diễn tả một hành động đang xảy ra trong quá khứ thì có một hành động khác cắt ngang.

Tạm dịch: Hôm qua anh ấy bị gãy chân khi leo núi.

Đáp án **He broke his leg when he was climbing a mountain yesterday.**

30.

Kiến thức: Thì Quá khứ đơn

Giải thích: Cách dùng: Diễn tả hành động xảy ra và kết thúc trong quá khứ; Dấu hiệu “last night”.

Tạm dịch: Bạn có nghe gì về một tai nạn đi bộ đường dài ở Hawaii đêm qua không?

Đáp án **Did you hear about a hiking accident in Hawaii last night?**